TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-DS	*Bắc Giang, ngày 29 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21/01/2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2019/TLST-DS ngày 04/01/2019.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 21/01/2019 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Ngô Hữu K, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 50, tổ 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn***: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963

Bà Thân Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Xóm T, thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Bà Phan Thị H1, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 50, tổ 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn T, bà Thân Thị H phải trả cho ông Ngô Hữu K, bà Phan Thị H1 số tiền 20.500.000.000 đồng (hai mươi tỷ năm trăm triệu đồng), thời gian trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 10/02/2019 (dương lịch) ông T, bà H trả ông K, bà H1 11.000.000.000 đồng (mười một tỷ đồng)

- Từ tháng 3/2019 (dương lịch) mỗi tháng ông T, bà H trả ông K, bà H1 100.000.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng cho đến khi hết số tiền gốc còn lại là 9.500.000.000 đồng (chín tỷ năm trăm triệu đồng).

Trường hợp ông T, bà H vi phạm bất cứ kỳ hạn trả nợ nào thì ông K, bà H1 được quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

2.2 *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ khi ông K, bà H1 là bên được được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông T, bà H là bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho ông K, bà H1 số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

2.3. Về án phí:

2.3.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Hữu K.

2.3.2. Ông Nguyễn Văn T, bà Thân Thị H phải chịu 32.125.000 đống án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Ngọ Thị Thanh Hảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.